

**DANH SÁCH TỔNG HỢP KẾT QUẢ
SỐ NGÀY CÔNG TÁC XÃ HỘI SINH VIÊN ĐÃ THỰC HIỆN**

(Tính đến ngày 30/09/2024)

Khoa: Công nghệ thực phẩm

Số ngày CTXH cần hoàn thành: 10

STT	MSSV	Họ và tên	Tên lớp	Số ngày đã thực hiện	Nội dung								Số ngày còn lại
					1	2	3	4	5	6	7	8	
1	DH62104493	Nguyễn Thị Ngọc Anh	D21_CNTP01	8	-	-	-	3.5	-	4.5	-	-	2
2	DH62104781	Nguyễn Thị Quỳnh Anh	D21_CNTP01	86.5	28	-	-	-	-	58.5	-	-	0
3	DH62104012	Phạm Ngọc ánh	D21_CNTP01	0.5	0.5	-	-	-	-	-	-	-	9.5
4	DH62112875	Đinh Ngọc Quý Ân	D21_CNTP01	9	-	-	-	3	-	6	-	-	1
5	DH62108208	Trần Huy Bình	D21_CNTP01	3	-	-	-	1	-	2	-	-	7
6	DH62112498	Văn Nhất Bảo Châu	D21_CNTP01	7	-	-	-	-	-	6	1	-	3
7	DH62112503	Lê Nguyễn Hoàng Duy	D21_CNTP01	7	-	-	-	0.5	-	6.5	-	-	3
8	DH62112505	Dương Thị Thùy Dương	D21_CNTP01	4.5	-	-	-	-	-	4.5	-	-	5.5
9	DH62105110	Phạm Phương Đại	D21_CNTP01	1.5	-	-	-	0.5	-	1	-	-	8.5
10	DH62112517	Đường Kim Hoàng	D21_CNTP01	4.5	-	-	-	0.5	-	4	-	-	5.5
11	DH62109152	Nguyễn Thanh Hoàng	D21_CNTP01	1	-	-	-	-	-	-	1	-	9
12	DH62112518	Nguyễn Ngọc Hồ	D21_CNTP01	2	-	-	-	0.5	-	1.5	-	-	8
13	DH62112519	Lê Gia Huy	D21_CNTP01	1	-	-	-	-	-	1	-	-	9
14	DH62112522	Lê Thụy Minh Hương	D21_CNTP01	7	-	-	-	1	-	6	-	-	3
15	DH62100784	Thái Huy Khiêm	D21_CNTP01	6	-	-	-	2	-	4	-	-	4
16	DH62101152	Vũ Minh Khôi	D21_CNTP01	2	-	-	-	-	-	2	-	-	8
17	DH62108791	Lê Công Lập	D21_CNTP01	6	-	-	-	0.5	-	4.5	1	-	4
18	DH62112530	Dương Thị Ngọc Linh	D21_CNTP01	9.5	-	-	-	0.5	-	6	3	-	0.5
19	DH62112531	Dương Trúc Linh	D21_CNTP01	5.5	-	-	2	1.5	-	1	1	-	4.5
20	DH62113770	Hoàng Khánh Linh	D21_CNTP01	8	-	-	2	1.5	-	4.5	-	-	2
21	DH62100684	Lê Thị Phương Linh	D21_CNTP01	8.5	-	-	2	-	-	6.5	-	-	1.5
22	DH62101362	Nguyễn Thị Thùy Linh	D21_CNTP01	6	-	-	2	-	-	3	1	-	4
23	DH62107455	Nguyễn Vũ Cẩm Linh	D21_CNTP01	14.5	-	-	2	-	-	12.5	-	-	0
24	DH62107798	Võ Thị Hồng Linh	D21_CNTP01	20	1	-	2	-	-	17	-	-	0
25	DH62112535	Trần Thị Ngọc Mai	D21_CNTP01	10	-	-	2	0.5	-	6.5	1	-	0
26	DH62104097	Lê Văn Hồng Mạnh	D21_CNTP01	7	-	-	2	0.5	-	4.5	-	-	3
27	DH62101491	Lê Thị Diễm My	D21_CNTP01	70	27	-	6	-	-	37	-	-	0

STT	MSSV	Họ và tên		Tên lớp	Số ngày đã thực hiện	Nội dung								Số ngày còn lại
						1	2	3	4	5	6	7	8	
28	DH62100151	Huỳnh Thị Ly	Na	D21_CNTP01	9	-	-	4	0.5	-	4.5	-	-	1
29	DH62112546	Hồ Thị Kim	Ngân	D21_CNTP01	11	-	-	4	0.5	-	5.5	1	-	0
30	DH62112548	Lê Thanh	Ngân	D21_CNTP01	8	-	-	4	0.5	-	3.5	-	-	2
31	DH62112551	Trình Ngô Bảo	Nghi	D21_CNTP01	12	-	-	4	3	-	4	1	-	0
32	DH62112552	Tiêu Quang	Nghĩa	D21_CNTP01	8.5	-	-	4	0.5	-	4	-	-	1.5
33	DH62112554	Nguyễn Thị Như	Ngọc	D21_CNTP01	11.5	0.5	-	4	-	-	6	1	-	0
34	DH62109225	Trần Thị Huỳnh	Như	D21_CNTP01	5	-	-	4	-	-	1	-	-	5
35	DH62107988	Hứa Chân	Phong	D21_CNTP01	4.5	-	-	4	-	-	0.5	-	-	5.5
36	DH62105062	Lê Đặng Phương	Thảo	D21_CNTP01	12	-	-	4	0.5	-	7.5	-	-	0
37	DH62104014	Tạ Quốc	Thắng	D21_CNTP01	4.5	0.5	-	4	-	-	-	-	-	5.5
38	DH62104289	Nguyễn Thị Thu	Thùy	D21_CNTP01	4	-	-	4	-	-	-	-	-	6
39	DH62112589	Phan Thị Cẩm	Thư	D21_CNTP01	10	-	-	4	3.5	-	2.5	-	-	0
40	DH62101122	Lê Thị Thủy	Tiên	D21_CNTP01	5	-	-	4	-	-	1	-	-	5
41	DH62112594	Trần Thị Ngọc	Trâm	D21_CNTP01	10	-	-	6	-	-	4	-	-	0
42	DH62100294	Dương Thị Thanh	Trúc	D21_CNTP01	12	-	-	6	0.5	-	5.5	-	-	0
43	DH62100014	Hồ Lê Ngọc	Tú	D21_CNTP01	9	-	-	6	-	-	3	-	-	1
44	DH62114024	Phạm Hoàng	Tuấn	D21_CNTP01	6	-	-	6	-	-	-	-	-	4
45	DH62101424	Trương Anh	Tuấn	D21_CNTP01	8	-	-	6	-	-	2	-	-	2
46	DH62112607	Đoàn Hoàng	Tùng	D21_CNTP01	7	-	-	6	-	-	1	-	-	3
47	DH62112609	Nguyễn Thị Thanh	Tuyền	D21_CNTP01	10.5	-	-	6	-	-	4.5	-	-	0
48	DH62104092	Lê Phương	Uyên	D21_CNTP01	8	-	-	6	-	-	2	-	-	2
49	DH62101690	Phương Ngọc	Vương	D21_CNTP01	7	-	-	6	-	-	-	1	-	3
50	DH62100803	Lê Triều	Vỹ	D21_CNTP01	7	-	-	6	-	-	1	-	-	3
51	DH62201798	Nguyễn Tấn	An	D22_CNTP01	2	-	-	-	-	-	2	-	-	8
52	DH62201799	Lê Hà Minh	Anh	D22_CNTP01	7.5	-	0.5	-	-	-	2	-	5	2.5
53	DH62201802	Võ Thị Hồng	ánh	D22_CNTP01	4	-	-	1	-	-	3	-	-	6
54	DH62202921	Lý Dĩ	Ân	D22_CNTP01	3.5	-	0.5	-	0.5	-	2.5	-	-	6.5
55	DH62201804	Nguyễn Ngọc Bảo	Châu	D22_CNTP01	2.5	-	0.5	-	-	-	2	-	-	7.5
56	DH62201809	Nguyễn Thị Thúy	Diễm	D22_CNTP01	5.5	-	-	-	2.5	-	3	-	-	4.5
57	DH62201811	Võ Thị Hoàng	Diệu	D22_CNTP01	4	-	-	-	0.5	-	3.5	-	-	6
58	DH62201812	Nguyễn Phạm Tấn	Đoan	D22_CNTP01	13.5	-	-	-	5.5	-	3	-	5	0
59	DH62201813	Nguyễn Văn	Đức	D22_CNTP01	25	24	-	-	-	-	1	-	-	0
60	DH62201815	Huỳnh Thanh	Giàu	D22_CNTP01	31	24	-	-	-	-	1	-	6	0

STT	MSSV	Họ và tên		Tên lớp	Số ngày đã thực hiện	Nội dung								Số ngày còn lại
						1	2	3	4	5	6	7	8	
127	DH62300915	Nguyễn Việt	Khôi	D23_TP01	0.5	-	-	-	-	-	0.5	-	-	9.5
128	DH62300944	Dương Tuấn	Kiệt	D23_TP01	4.5	-	-	-	1.5	-	-	-	3	5.5
129	DH62300953	Lê	Kiệt	D23_TP01	9	-	1	-	0.5	-	4.5	-	3	1
130	DH62300941	Nguyễn Huỳnh Hoàng Kim		D23_TP01	1	-	-	-	-	-	1	-	-	9
131	DH62301025	Phạm Thị Trúc	Liên	D23_TP01	0.5	-	-	-	-	-	0.5	-	-	9.5
132	DH62301044	Nguyễn Thị Trúc	Linh	D23_TP01	6	-	-	-	0.5	-	2.5	-	3	4
133	DH62301061	Nguyễn Thị Kim	Loan	D23_TP01	0.5	-	-	-	-	-	0.5	-	-	9.5
134	DH62301123	Nguyễn Ngọc Thanh	Mai	D23_TP01	7	-	-	-	-	-	3	1	3	3
135	DH62301130	Diệp Ngọc Gia	Minh	D23_TP01	3.5	-	-	-	0.5	-	-	-	3	6.5
136	DH62301203	Nguyễn Khoa	Nam	D23_TP01	8.5	-	-	0.5	2	-	3	-	3	1.5
137	DH62301221	Đỗ Nguyễn Hồng	Nga	D23_TP01	6.5	-	-	1	0.5	-	2	-	3	3.5
138	DH62301223	Lê Nguyễn Quỳnh	Nga	D23_TP01	3.5	-	-	-	0.5	-	3	-	-	6.5
139	DH62301247	Phạm Lê Kim	Ngân	D23_TP01	1.5	-	-	-	0.5	-	1	-	-	8.5
140	DH62301253	Trần Ngô Thu	Ngân	D23_TP01	1	-	-	-	0.5	-	0.5	-	-	9
141	DH62301263	Lê Xuân	Ngọc	D23_TP01	1	-	-	-	-	-	1	-	-	9
142	DH62301382	Lê Thị Thu	Nhi	D23_TP01	1.5	-	-	-	0.5	-	1	-	-	8.5
143	DH62302509	Nguyễn Phương	Nhi	D23_TP01	3	-	-	-	0.5	-	2.5	-	-	7
144	DH62301471	Lê Tấn	Phát	D23_TP01	1	-	-	-	-	-	1	-	-	9
145	DH62301529	Phạm Tấn	Phú	D23_TP01	4.5	-	-	-	0.5	-	1	-	3	5.5
146	DH62301594	Trương Huỳnh Nhã	Phương	D23_TP01	1.5	-	-	-	0.5	-	1	-	-	8.5
147	DH62301600	Lê Võ Ngọc	Quang	D23_TP01	0	-	-	-	-	-	-	-	-	10
148	DH62301616	Huỳnh Minh	Quân	D23_TP01	1.5	-	-	-	0.5	-	1	-	-	8.5
149	DH62301657	Nguyễn Thị Như	Quỳnh	D23_TP01	1	-	-	-	0.5	-	0.5	-	-	9
150	DH62302411	Sâm Nhĩ	San	D23_TP01	0.5	-	-	-	0.5	-	-	-	-	9.5
151	DH62301711	Trần Trung	Son	D23_TP01	0	-	-	-	-	-	-	-	-	10
152	DH62301797	Trương Vĩnh	Thanh	D23_TP01	7	-	-	-	0.5	-	3.5	-	3	3
153	DH62301798	Võ Chí	Thanh	D23_TP01	0	-	-	-	-	-	-	-	-	10
154	DH62301899	Phạm Thanh	Thảo	D23_TP01	1	-	-	1	-	-	-	-	-	9
155	DH62301904	Võ Ngọc Thanh	Thảo	D23_TP01	1.5	-	-	-	0.5	-	1	-	-	8.5
156	DH62301828	Hồ Gia	Thăng	D23_TP01	0.5	-	-	-	0.5	-	-	-	-	9.5
157	DH62301885	Trần Khang	Thịnh	D23_TP01	1	-	-	-	-	-	1	-	-	9
158	DH62301779	Phan Minh	Thọ	D23_TP01	2.5	-	-	-	0.5	-	2	-	-	7.5
159	DH62301913	Trần Đức	Thông	D23_TP01	6.5	-	-	-	0.5	-	6	-	-	3.5

STT	MSSV	Họ và tên	Tên lớp	Số ngày đã thực hiện	Nội dung								Số ngày còn lại
					1	2	3	4	5	6	7	8	
160	DH62301927	Ngô Minh Thuận	D23_TP01	0.5	-	-	-	0.5	-	-	-	-	9.5
161	DH62301953	Nguyễn Hoàng Anh Thu	D23_TP01	1	-	-	-	-	-	1	-	-	9
162	DH62301964	Võ Thị Hồng Thu	D23_TP01	1	-	-	-	0.5	-	0.5	-	-	9
163	DH62302053	Tạ Yên Trang	D23_TP01	10	-	-	-	0.5	-	5.5	1	3	0
164	DH62302067	Bùi Trần Ngọc Trân	D23_TP01	1.5	-	-	-	0.5	-	-	1	-	8.5
165	DH62302069	Đỗ Nguyễn Huyền Trân	D23_TP01	1.5	-	-	0.5	-	-	1	-	-	8.5
166	DH62302111	Trương Ngọc Diễm Trinh	D23_TP01	1.5	-	-	-	0.5	-	1	-	-	8.5
167	DH62302132	Nguyễn Thị Ngọc Trúc	D23_TP01	0.5	-	-	-	-	-	0.5	-	-	9.5
168	DH62302133	Nguyễn Thị Thanh Trúc	D23_TP01	1	-	-	-	0.5	-	0.5	-	-	9
169	DH62302350	Nguyễn Ngọc Tường Vy	D23_TP01	0.5	-	-	-	0.5	-	-	-	-	9.5
170	DH62302911	Vũ Ngọc Thúy Vy	D23_TP01	1	-	-	-	-	-	1	-	-	9

Tổng số SV: **170**

Đã hoàn thành: **34**

Chưa hoàn thành: **136**

***Ghi chú: Nội dung thực hiện**

- 1: Các chiến dịch tình nguyện vì cộng đồng
- 2: Hoạt động bảo vệ môi trường; Tuyên truyền phổ biến pháp luật
- 3: Hoạt động tình nguyện chăm lo đối tượng chính sách, hoàn cảnh đặc biệt,...
- 4: Các hoạt động cứu trợ thiên tai, dịch bệnh, ...
- 5: Lớp học tình thương; Các hoạt động công ích phục vụ xã hội
- 6: Tham gia các hoạt động phục vụ, hỗ trợ Nhà trường, ...
- 7: Hiến máu tình nguyện
- 8: Công tác cán bộ Đoàn - Hội các cấp, Ban cán sự Lớp, ...

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 24 tháng 03 năm 2025

Người lập bảng

Trưởng Phòng CTSV

PHÓ HIỆU TRƯỞNG

Đã ký

Đã ký

Đã ký

Nguyễn Thị Diễm Ngân

ThS. Vũ Trọng Anh

PGS, TS. Hoàng Kim Anh